TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2019/QĐST-DS	*Uông Bí, ngày 07 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3; các điều 105, 166, 351, 352, 353, 357 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ và các khoản 2 và 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật thi hành án dân sự số: 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) của Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 56/2018/TB-TLVA ngày 06 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội** (SHB).

Địa chỉ: Số 77, phố Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T; Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Uông Bí và ông Nguyễn Tiến C; chức vụ: Phó Trưởng phòng phụ trách xử lý nợ.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1979 và bà **Đỗ Thị Hồng N**, sinh năm: 1982.

Cùng địa chỉ: ....., thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Chu Thị K**, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: ....., thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1) Về khoản nợ và nghĩa vụ trả nợ: Tính đến ngày 27/02/2019, ông Nguyễn Văn Hvà bà Đỗ Thị Hồng N còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn –Hà Nội (SHB) tổng số tiền nợ gốc và lãi trong hạn là **239.837.640** đồng (bao gồm nợ gốc **204.400.000** đồng, nợ lãi trong hạn**: 35.437.640** đồng**)**

Kể từ ngày 28/02/2019 trở đi Ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị Hồng N còn phải tiếp tục trả nợ lãi trên nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên (Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số: 507/2016/HĐTDTDH-CN/SHB.110303 ngày 25/10/2016) cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc và lãi.

2) Về tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp: Tiếp tục duy trì 02 Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 87/2016/HĐTC-CN/SHB.110303 ngày 25/10/2016 và số 86/2016/HĐTC-BTB/SHB.110303 ngày 25/10/2016 được ký giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội (SHB) với ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị Hồng N để đảm bảo thi hành án.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội (SHB) không tính tiền lãi chậm trả đối với số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/02/2019 cho ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị Hồng N trong thời hạn 06 tháng (đến hết ngày 28/08/2019) để tạo điều kiện cho ông H và bà N trả nợ. Trường hợp hết thời hạn 06 tháng ông H và bà N không trả được nợ thì Ngân hàng sẽ tính và đòi lại số nợ quá hạn trở lại từ ngày 28/02/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi. Đối với tiền lãi trong hạn kể từ ngày 28/02/2019 thì ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị Hồng N vẫn phải trả theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị Hồng N không trả được số tiền gốc và lãi nêu trên thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội (SHB) có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết giữa các bên theo quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xác minh, kê biên tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên vay, cũng như tài sản của bên thứ 3 theo quy định của pháp luật.

3) Về án phí: Tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.995.940đ (Năm triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi đồng). Các bên thỏa thuận: mỗi bên chịu một nửa tiền án phí. Cụ thể là:

Ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị Hồng N chịu 2.997.970đ (Hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) phải chịu 2.997.970đ (Hai triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm bảy mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) số tiền là: 2.729.030đ (Hai triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn không trăm ba mươi đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000634 ngày 04 tháng 12 năm 2018 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

4) Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị Hồng N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) mà Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đã sử dụng. Ông Nguyễn Văn H và bà Đỗ Thị Hồng N phải thanh toán lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.Uông Bí;
- THADS TP.Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

Nguyễn Thành Lâm